

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ YÊN,
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HS-ST

Ngày 31 -5-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Tân Việt

Các Hội thẩm nhân dân: bà Bàn Thị Huệ, bà Nguyễn Thị Linh

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Ngoãn - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: ông Đặng Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo: Mùi Văn Th, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1965 tại Phù Yên - Sơn La; nơi cư trú: bản X, xã Bắc Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 0/10; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Mùi Văn N (đã chết); con bà: Mùi Thị Kh (đã chết); bị cáo có vợ và có 06 con, con lớn nhất sinh năm 1984, con nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án: không; tiền sự: ngày 23/02/2022, bị Hạt kiểm lâm huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xử phạt vi phạm hành chính 20.000.000 đồng về hành vi phá rừng; nhân thân: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30 tháng 12 năm 2022 đến nay, “có mặt”.

- Nguyên đơn dân sự: Cộng đồng bản Hợp Phong, xã Bắc Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Do ông Đinh Văn Lực - Trưởng bản Hợp Phong làm đại diện, “vắng mặt”.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã Bắc Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; ***Người đại diện hợp pháp:*** ông Đinh Công Máu - chức vụ: Chủ tịch UBND xã Bắc Phong là người đại diện theo pháp luật, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 02 năm 2022, bị cáo Mùi Văn Th muốn mở rộng diện tích đất để canh tác nên đã vào khu vực Suối Đáy, thuộc tiểu khu 502, khoảnh 3, lô 7 thuộc loại rừng hỗn giao (hý hiệu: HG2) của bản Hợp Phong, xã Bắc Phong, huyện Phù Yên để chặt, phá toàn bộ cây rừng tự nhiên, cây cỏ, cây bụi với tổng diện tích là 1.350 m². Ngày 23/02/2022, Hạt kiểm lâm huyện Phù Yên, ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ-XPHS đối với Mùi Văn Th về hành vi Phá rừng trái pháp luật theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 20 Nghị định số 35/NĐ-CP của Chính Phủ với số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Bị cáo Mùi Văn Th không chấp hành nộp phạt theo quy định.

Ngày 14/9/2022, Mùi Văn Th tiếp tục đến khu vực Suối Đáy, thuộc tiểu khu 502, khoảnh 3, lô 7 của bản Hợp Phong, xã Bắc Phong, huyện Phù Yên sử dụng 01 con dao và 01 chiếc rìu chặt, phá toàn bộ cây rừng tự nhiên, cây cỏ, cây bụi với tổng diện tích là 2.926m² (hai nghìn chín trăm hai mươi sáu mét vuông) để lấy đất canh tác. Ngày 07/11/2022, tổ công tác của UBND xã Bắc Phong, huyện Phù Yên đi kiểm tra rừng đã phát hiện nên và lập biên bản, tạm giữ của Mùi Văn Th 01 con dao dài 52cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 28cm; 01 chiếc rìu dài 68cm, có lưỡi rìu bằng kim loại dài 14cm, rộng 5,5cm.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên tiến hành khám nghiệm hiện trường, kiểm đếm số lượng lâm sản bị hủy hoại, xác định được vị trí nơi Mùi Văn Th hủy hoại rừng thuộc Tiểu khu 502, khoảnh 3, lô 7 tờ bản đồ địa chính số 10-334566 do UBND huyện Phù Yên, cấp năm 2002 là thuộc rừng sản xuất của bản Hợp Phong, xã Bắc Phong, huyện Phù Yên. Sử dụng máy định vị nhãn hiệu GPSMAP 78S của Hạt kiểm lâm huyện Phù Yên, tiến hành xác định 40 điểm xung quanh khu vực bị chặt, phá xác định được tổng diện tích bị chặt phá là 2.926 m². Tiến hành kiểm đếm số lượng cây bị chặt, phá gồm có 230 cây gỗ, lá cây đã khô, bề mặt gốc cây có vết chặt vát nhám nhỡ, toàn bộ diện tích rừng bị chặt phá không có dấu vết bị đốt. Sau khi khám nghiệm hiện trường và kiểm đếm, đo số lượng cây gỗ bị chặt phá, đã tiến hành bàn giao lại 230 cây gỗ bị chặt phá cho UBND xã Bắc Phong, huyện Phù Yên, quản lý.

Ngày 06/12/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên đã quyết định trưng cầu giám định: Loại rừng, trạng thái rừng, diện tích, tiểu khu, khoảnh, lô rừng và Lâm sản bị thiệt hại.

Tại kết luận giám định tư pháp ngày 21/12/2022 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La kết luận:

- Về diện tích vi phạm: 2.926 m².
- Về trạng thái rừng: Vị trí vi phạm có trạng thái là rừng tự nhiên núi đất hỗn giao tre nứa – gỗ (ký hiệu HG2)
- Về loại rừng: Vị trí vi phạm được quy hoạch là rừng sản xuất.
- Về tiểu khu, khoảnh, lô: Vị trí vi phạm thuộc Tiểu khu 502, khoảnh 3, lô 7.
- Chủ rừng: Vị trí vi phạm được giao cho Cộng đồng bản Bó Mý (nay là bản Hợp Phong) xã Bắc Phong, huyện Phù Yên, quản lý.
- Số lượng lâm sản bị thiệt hại: Tổng khối lượng gỗ bị thiệt hại là 25,997m³/2.926 m² (tương ứng với khối lượng gỗ bị thiệt hại bình quân/1ha là

88,84m³) gồm có: Thổ lộ, Giẻ xanh, Táo đại, Kháo, Thầu tầu, Thừng mực, Côm tàng, Tấu mối, sỏ).

Ngày 03/01/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La ra yêu cầu định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phù Yên, định giá 230 cây gỗ gồm: Thổ lộ, Giẻ xanh, Táo đại, Kháo, Thầu tầu, Thừng mực, Côm tàng, Tấu mối, sỏ có tổng khối lượng là 25,997m³.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 03/KLĐGTS ngày 08/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trọng tố tụng hình sự, kết luận: 230 cây gỗ rừng gồm: Thổ lộ, Giẻ xanh, Táo đại, Kháo, Thầu tầu, Thừng mực, Côm tàng, Tấu mối, sỏ có tổng khối lượng 25,997m³ có giá 50.977.291 đồng (*năm mươi triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm chín mươi một đồng*).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận của Cơ quan điều tra và của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La nêu trên.

Với những tình tiết như trên, tại Cáo trạng số: 23/CT – VKS - PY ngày 17/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đã truy tố Mùi Văn Th về tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Mùi Văn Th đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Kết thúc việc xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố. Hành vi của bị cáo Mùi Văn Th đủ yếu tố cấu thành tội “Hủy hoại rừng”. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 243; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Mùi Văn Th từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Khoản 1 các điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự. Tịch thu tiêu hủy 01 con dao dài 52 cm và 01 chiếc rìu dài 68 cm, đã qua sử dụng. Giao 25,997m³ gỗ cho Cộng đồng bản Hợp Phong, xã Bắc Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La quản lý, bảo quản theo thẩm quyền. Buộc bị cáo phải bồi thường khoản tiền 50.977.291 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước. Bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường được số tiền 5.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp 45.977.291 đồng. Đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Trong phần đối đáp, bị cáo Mùi Văn Th nhất trí với quyết định truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Đại diện Nguyên đơn dân sự - Cộng đồng bản Hợp Phong, xã Bắc Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La gửi đơn vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị bị cáo phải bồi thường trị giá cây gỗ bị chặt phá là 45.977.291 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - UBND xã Bắc Phong gửi đơn vắng mặt tại phiên tòa nhất trí với ý kiến của kiểm sát viên và không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền nào khác.

Kết thúc tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng. Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Yên, Điều tra viên và Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng quy định theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận do không có đất sử dụng cho việc trồng trọt, canh tác nên đầu tháng 2 năm 2022, bị cáo Th đã vào khu rừng Suối Đáy, thuộc tiểu khu 502, khoảnh 3, lô 7 thuộc loại rừng hỗn giao (hý hiệu: HG2) của bản Hợp Phong, xã Bắc Phong, huyện Phù Yên, để chặt, phá toàn bộ cây rừng tự nhiên, cây cỏ, cây bụi với tổng diện tích là 1.350m² dùng dao và rìu chặt phá rừng để lấy đất sử dụng cho việc trồng hoa màu. Ngày 23/02/2022, Hạt kiểm lâm huyện Phù Yên quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Mùi Văn Th về hành vi Phá rừng trái pháp luật với số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), đến nay bị cáo Mùi Văn Th vẫn chưa chấp hành nộp phạt theo quy định.

Ngày 14/9/2022, Mùi Văn Th tiếp tục sử dụng 01 con dao và 01 chiếc rìu đến khu vực Suối Đáy, thuộc tiểu khu 502, khoảnh 3, lô 7 của bản Hợp Phong, xã Bắc Phong, huyện Phù Yên chặt, phá toàn bộ cây rừng tự nhiên, cây cỏ, cây bụi với tổng diện tích là 2.926m² (hai nghìn chín trăm hai mươi sáu mét vuông) để lấy đất canh tác.

Theo xác định của cơ quan chức năng, diện tích rừng bị chặt phá là 2.926 m²; số cây bị chặt là 230 cây gỗ tròn (từ nhóm V đến nhóm VIII) = 25,997m³. Vị trí rừng bị chặt phá tại tiểu khu 502, khoảnh 3, lô 7 thuộc loại rừng hỗn giao Suối Đáy thuộc địa phận bản Hợp Phong, xã Bắc Phong, huyện Phù Yên. Mục đích sử dụng là rừng sản xuất (rừng tự nhiên).

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, Biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án

Từ việc phân tích, đánh giá ở trên Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Mùi Văn Th đã thực hiện hành vi phá rừng sản xuất trái phép với diện tích là 2.926m² và trước đó đã bị Hạt kiểm lâm huyện Phù Yên quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chặt phá rừng trái pháp luật.

Căn cứ quy định tại điểm g khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự thì “1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01

năm đến 05 năm:

g) Diện tích rừng hoặc trị giá lâm sản dưới mức quy định tại một trong các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này nhưng đã bị xử phạt vì phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.”

Như vậy, hành vi chặt phá trái phép 2.926 m² rừng của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La truy tố bị cáo về tội: “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 243 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân người phạm tội và về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm lớn cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến tài nguyên rừng và môi trường sinh thái, được pháp luật bảo vệ; bản thân bị cáo được Đảng và Nhà nước tuyên truyền, vận động cấm khai thác, hủy hoại rừng dưới mọi hình thức, bị cáo nhận thức được việc chặt phá, khai thác rừng trái phép bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi chặt phá cây rừng tự nhiên, gây mất trật tự, trị an tại địa phương.

[3.2] Về nhân thân người phạm tội: bị cáo có nhân thân tốt, là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; trước khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, lần đầu phạm tội.

[3.3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, bản thân không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, kinh tế gia đình khó khăn nhưng đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại, bị cáo cùng gia đình đã nộp được một phần (5.000.000 đồng) tiền khắc phục hậu quả; bản thân là người dân tộc thiểu số (Mường), không biết chữ, sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, đời sống gặp nhiều khó khăn, trình độ hiểu biết về pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Từ việc đánh giá những căn cứ quyết định hình phạt nêu trên, Hội đồng xét xử thấy bị cáo phạm tội vì thiếu hiểu biết, diện tích rừng bị hủy hoại không lớn; bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, cho nên không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tại trại giam. Việc giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát, giáo dục vẫn đảm bảo cải tạo bị cáo thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật hình sự, quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng,...*” do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định, gia

đình thuộc hộ cận nghèo, điều kiện kinh tế gia đình còn nhiều khó khăn (Bút lục số 410- 416). Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đối với 01 con dao dài 52 cm, chuôi gỗ dài 24 cm, lưỡi dao dài 28 cm, rộng 05 cm và 01 chiếc rìu, cán dài 68 cm, lưỡi dài 14 cm, rộng 5,5 cm. Là công cụ, phương tiện phạm tội, không có giá trị cần tịch thu và tiêu huỷ. Đối với 230 cây gỗ tròn (từ nhóm V đến nhóm VIII) = 25,997m³, hiện đang do UBND xã Bắc Phong và Ban quản lý bản Hợp Phong, xã Bắc Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La quản lý, bảo quản, cần tiếp tục giao cho UBND xã Bắc Phong và Ban quản lý bản Hợp Phong, xã Bắc Phong quản lý, bảo quản và giao Hạt kiểm lâm huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La phối hợp với cơ quan chức năng xử lý theo thẩm quyền.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Xét yêu cầu bồi thường của Ban quản lý bản Hợp Phong, xã Bắc Phong và UBND xã Bắc Phong yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền theo kết luận định giá tài sản là 50.977.291 đồng, thấy rằng: Toàn bộ diện tích khu rừng này được UBND tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban quản lý bản Bó Mý, xã Bắc Phong (nay là bản Hợp Phong, xã Bắc Phong) quản lý từ năm 2002. Mục đích giao rừng là để quản lý, bảo vệ rừng phòng hộ (nhà nước chuyển đổi thành rừng sản xuất từ năm 2018). Thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì Cộng đồng dân bản Hợp Phong là người trực tiếp quản lý, bảo vệ. Hằng năm đã được hưởng tiền chi phí từ quỹ bảo vệ và phát triển rừng. Tuy nhiên, Cộng đồng bản Hợp Phong chưa làm hết trách nhiệm trong công tác quản lý và bảo vệ rừng, để cho bị cáo Th chặt phá rừng trái phép. Do đó, số tiền này không giao cho UBND xã Bắc Phong và Cộng đồng bản Hợp Phong mà cần nộp vào ngân sách nhà nước. Hội đồng xét xử cần buộc bị cáo phải bồi thường khoản tiền 50.977.291 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước. Bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường được số tiền 5.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp 45.977.291 đồng.

[7] Về biện pháp ngăn chặn, do bị cáo Mùi Văn Th bị xử phạt tù nhưng được hưởng án treo nên cần trả tự do ngay tại phiên toà cho bị cáo đang bị tạm giam, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

[8] Về án phí, Bị cáo là cá nhân thuộc hộ cận nghèo, căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Bị cáo được miễn nộp toàn bộ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 243; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ Luật Hình sự;

1. Tuyên bố: Bị cáo Mùi Văn Th phạm tội “Hủy hoại rừng”.

Xử phạt bị cáo Mùi Văn Th 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 31/5/2023).

Giao bị cáo Mùi Văn Th cho UBND xã Bắc Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Bị cáo Mùi Văn Th có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ Luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu và tiêu huỷ 01 con dao dài 52 cm, chuôi gỗ dài 24 cm, lưỡi dao dài 28 cm, rộng 05 cm và 01 chiếc rìu, cán dài 68 cm, lưỡi dài 14 cm, rộng 5,5 cm, đã qua sử dụng.

Giao 230 cây gỗ tròn (từ nhóm V đến nhóm VIII) = 25,997m³ cho UBND xã Bắc Phong và Ban quản lý bản Hợp Phong, xã Bắc Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La quản lý, bảo quản.

Giao Hạt kiểm lâm huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La phối hợp với cơ quan chức năng xử lý theo thẩm quyền.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Mùi Văn Th phải bồi thường số tiền: 50.977.291 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước. Bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường được số tiền 5.000.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 45.977.291 (bốn mươi lăm triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm chín mươi một đồng).

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14, 15; điểm a, c khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Mùi Văn Th được miễn nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.298.800 đồng (hai triệu hai trăm chín mươi tám nghìn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/5/2023). Nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình

trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
 - Bị hại (nếu có);
 - VKSND huyện Phù Yên;
 - Người bào chữa (nếu có);
- } Giao
- TAND tỉnh;
 - VKSND tỉnh;
 - Cơ quan điều tra- CA huyện ;
 - Bộ phận hồ sơ NV- CA huyện;
 - CQ Thi hành án hình sự;
 - Trại TG (nhà tạm giữ);
 - Sở tư pháp tỉnh;
 - Người có QL,NVLQ;Nguyên đơn ds (nếu có);
 - Chi cục THADS huyện (án có hiệu lực);
 - Lưu: HS.
- } Gửi

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Tân Việt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

